

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-ST

Ngày: 17-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Thủy.

2. Bà Đoàn Thị T Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại hội trường xét xử 1, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 đường Nguyễn Huệ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 301/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Phú B (tên gọi khác: T), sinh ngày 19 tháng 8 năm 1991 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: 35 Đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ Sơn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Trần Thị H; vợ: Chị Huỳnh Thị Khả N, sinh năm 1995; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Có 01 tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Lúc nhỏ ở với bố mẹ tại thành phố H, học văn hóa đến lớp 5/12 thì nghỉ học.

- Ngày 11/9/2009, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức “Phạt tiền” 200.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 22/9/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Bản án số 106/2009/HSPT).

- Ngày 06/9/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt chung với Bản án số 106/2009/HSPT ngày 22/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế buộc chấp hành hình phạt chung 01 năm 06 tháng tù. (Bản án số 110/2010/HSPT).

- Ngày 24/02/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. (Bản án số 26/2012/HSST).

- Ngày 25/12/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. (Bản án số 316/2013/HSST).

- Ngày 21/4/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung với Bản án số 316/2013/HSST ngày 25/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 01 năm tù, buộc chấp hành hình phạt chung 02 năm 03 tháng tù. (Bản án số 21/2014/HSST).

- Ngày 16/11/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. (Bản án số 238/2016/HSST).

- Ngày 07/6/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. (Bản án số 26/2019/HSST).

Ngày 23/9/2021, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, sau đó làm thợ sơn cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2021 cho đến nay – bị cáo có mặt.

- *Bị hại*: Anh Võ Văn H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số 9/25 Đường X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Hà Thị Xuân T, sinh năm 1999. Nơi cư trú: 08/1 Đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: 35 Đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

+ Chị Huỳnh Thị Khả N, sinh năm 1997. Nơi cư trú: 35 Đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 19/8/2021, Trần Phú B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75F1-912.91 đi ngang qua nhà số 30/246 Đường H, phường A, thành phố H. B phát hiện nhà đang xây dựng, không có cổng, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. B để xe ở lề đường rồi một mình đi vào khu vực phòng khách. Sau đó, B lén lút lấy trộm 01 (một) túi xách có quai màu đen bên trong có 01 (một) ví da màu nâu hiệu La Force, 01 (một) máy tính xách tay hiệu Apple Macbook màu bạc, 01 (một) điện thoại di động hiệu Blackberry màu đen, 100 (một trăm) đô-la Canada và 7.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của anh Võ Văn H, sau khi lấy trộm được tài sản B mang về nhà

cất giấu. Sau khi phát hiện mất trộm tài sản, anh Võ Văn H đã đến Công an phường A trình báo.

Ngày 20/8/2021, B chỉ nơi cất giấu các tài sản nêu trên để vợ là chị Huỳnh Thị Khả N (sinh năm: 1997; trú tại: số 35 Đường Đ, phường T, thành phố H) và mẹ là bà Trần Thị H (sinh năm: 1968; trú tại: số 35 Đường Đ, phường T, thành phố H) mang đến giao nộp cho Cơ quan Công an.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Blackberry màu đen.
- 01 (một) máy tính xách tay hiệu Apple Macbook màu bạc.
- 01 (một) túi xách có quai màu đen.
- 01 (một) ví da màu nâu hiệu La Force.
- 100 (một trăm) đô-la Canada.
- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).
- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu trắng, biển kiểm soát 75F1-912.91.
- 01 (một) bản phô tô có chứng thực giấy chứng đăng ký nhận xe mô tô 75F1-912.91.

Kết luận định giá tài sản số 204/KL-HĐĐGTS ngày 26/8/2021 và số 247/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận như sau:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Blackberry màu đen có trị giá 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).
- 01 (một) máy tính xách tay hiệu Apple Macbook màu bạc có trị giá 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).
- 01 (một) túi xách bằng vải, màu đen, có quai xách, kích thước 35X25cm có trị giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).
- 01 (một) ví giả da màu nâu hiệu La Force có trị giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
- Ngày 07/10/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế cung cấp tỷ giá ngoại tệ của Đồng Việt Nam (VND) với đô-la Canada (CAD) vào ngày 19/8/2021 là 01 CAD = 18.344,82 VND. Do đó, 100 CAD có trị giá 1.834.482 đồng (một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

** Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:*

- Người bị hại anh Võ Văn H đã nhận lại tài sản, anh H không có ý kiến gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.
- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 75F1-912.91, quá trình điều tra xác định là của chị Hà Thị Xuân T cho Trần Phú B mượn nhưng chị T không biết B điều khiển xe đi trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho chị T. Chị T đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

- Đối với 01 (một) bản phôi có chứng thực giấy chứng đăng ký nhận xe mô tô 75F1-912.91 tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tổng giá trị tài sản Trần Phú B lấy trộm của anh Võ Văn H là 19.294.482 đồng (*Mười chín triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*).

Tại bản cáo trạng số 401/CT-VKS-HS ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố Trần Phú B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Phú B 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án Phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H; bị cáo nói lời nói sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 19/8/2021, tại nhà số 30/246 Đường H, phường A, thành phố H, Trần Phú B lấy trộm 01 (một) túi xách có quai màu đen có trị giá 50.000 đồng và 01 (một) ví da màu nâu hiệu La Force có trị giá 10.000 đồng của anh Võ Văn H bên trong có 01 (một) máy tính xách tay hiệu Apple Macbook màu bạc có trị giá 9.000.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Blackberry màu đen có trị giá 900.000 đồng, 100 (một trăm) đô-la Canada có trị giá 1.834.482 đồng và 7.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam rồi đem về nhà cất giấu. Ngày 20/8/2021, B chỉ nơi cất giấu các tài sản nêu trên

để chị Huỳnh Thị Khả N và bà Trần Thị H mang đến giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tổng giá trị tài sản trộm cắp được định giá là: 19.294.482 đồng (*Mười chín triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*).

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng số 401/CT-VKS-HS ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay để áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần vi phạm pháp luật, hiện bị cáo còn 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích; lần này phạm tội bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự; nhưng bị cáo không rút kinh nghiệm cho bản thân, không lo làm ăn để kiếm tiền nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình, mà lười lao động, muốn kiếm tiền trên thành quả lao động của người khác, nên đã tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Nên cần thiết phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Phú B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Phú B 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 01/10/2021.

2.Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; buộc bị cáo Trần Phú B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người nêu trên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT- Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT_ Huế;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TT- Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS TPHuế;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Dung